



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THUY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

---

**THÔNG BÁO  
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP  
THÁNG VI/2017**



**HÀ NỘI, THÁNG VII/2017**

## LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: [son.nguyenhong@imh.ac.vn](mailto:son.nguyenhong@imh.ac.vn);

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



## MỤC LỤC

|   | <b>Trang</b> |
|---|--------------|
| I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VI/2017 .....  | 1            |
| 1. Vùng Tây Bắc.....  | 1            |
| 2. Vùng Việt Bắc.....   | 2            |
| 3. Vùng Đông Bắc.....   | 4            |
| 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ .....  | 5            |
| 5. Vùng Bắc Trung Bộ .....  | 7            |
| 6. Vùng Trung Trung Bộ.....   | 8            |
| 7. Vùng Nam Trung Bộ.....   | 9            |
| 8. Vùng Tây Nguyên .....  | 11           |
| 9. Vùng Nam Bộ.....   | 12           |
| II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT<br>NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VI/2017 ..... | 14           |
| 1. Đối với cây lúa .....  | 14           |
| 2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp .....  | 16           |
| III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VII, VIII, IX/2017.....   | 18           |
| IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....  | 18           |
| V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....  | 19           |

## I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VI/2017

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VI/2017 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-1,4°C đến 1,5°C) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -225mm đến 246mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -85 giờ đến 56 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -9% đến 7%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VI/2017 ở từng vùng của nước ta như sau:

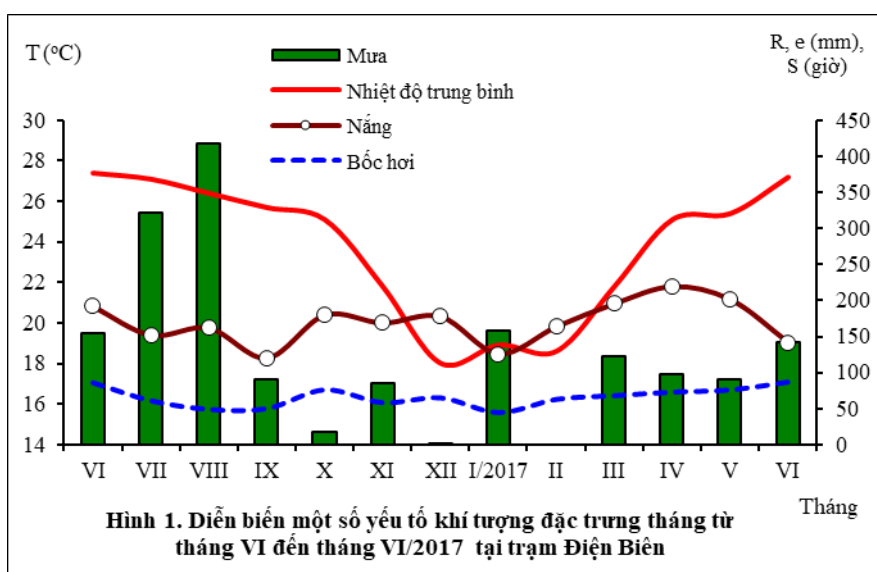
### 1. Vùng Tây Bắc

#### 1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,4 đến 1,0°C; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ 20,2°C (Sìn Hồ) đến 29,2°C (Chi Nê) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ 17,7°C đến 25,7°C, giá trị thấp nhất là 11,0°C xảy ra vào ngày 13/VI tại Sìn Hồ, đây là giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất toàn quốc.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 24,1°C (Sìn Hồ) đến 34,5°C (Hòa Bình), giá trị cao nhất là 39,4°C xảy ra vào ngày 09/VI tại Chi Nê. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Điện Biên

## ***1.2. Diễn biến về mưa***

- Tổng lượng mưa tháng VI/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-176mm đến 63mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 129mm đến 489mm, cao nhất là 543mm tại Sìn Hồ.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 38mm đến 115mm, cao nhất là 117mm vào ngày 28/VI tại Mường Tè.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 11 đến 20 ngày, cao nhất là 21 ngày tại Sìn Hồ. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 9 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

## ***1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Số giờ nắng tháng VI/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 12 giờ đến 52 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 134 giờ đến 192 giờ, cao nhất là 206 giờ (Phù Yên) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2017 dao động từ 76% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -6% đến -3%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 28% xảy ra vào ngày 12/VI tại Than Uyên.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VI/2017 có giá trị phổ biến từ 44mm đến 116mm, cao nhất là 121mm tại Sông Mã. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-499mm đến -33mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 4 - 8mm.

## ***1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 9 ngày, trong đó một số nơi có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 6 đến 17 ngày.

## **2. Vùng Việt Bắc**

### ***2.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nền nhiệt độ không khí tháng VI/2017 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-1,4°C đến 1,3°C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

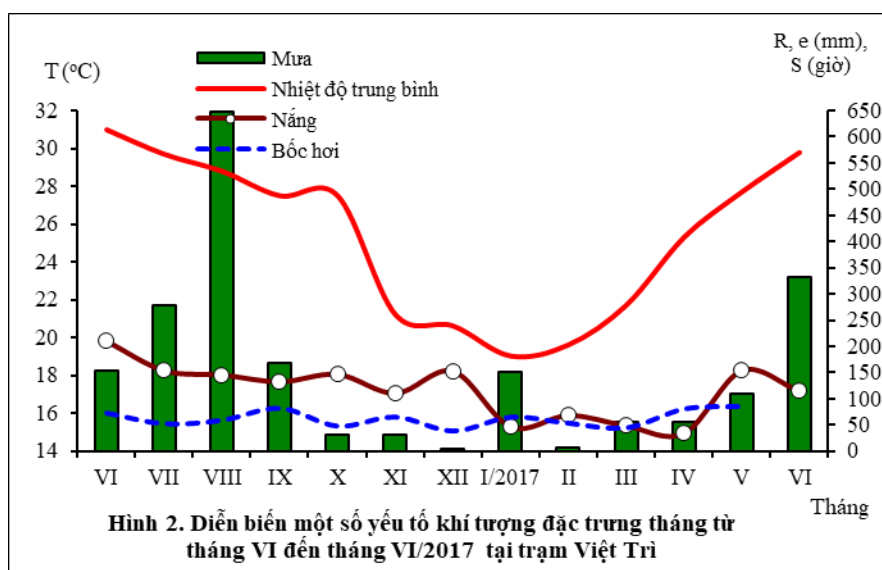
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 18,7<sup>0</sup>C (Sa Pa) đến 29,3<sup>0</sup>C (Việt Trì);

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,8<sup>0</sup>C (Sa Pa) đến 26,6<sup>0</sup>C (Vĩnh Yên), *nhiệt độ không khí thấp nhất là 11,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 12/VI tại Sa Pa, cùng với Sìn Hồ đây là giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất toàn quốc.*

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,8<sup>0</sup>C (Sa Pa) đến 34,0<sup>0</sup>C (Bắc Quang và Vĩnh Yên), nhiệt độ không khí cao nhất là 37,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 9/VI tại Vĩnh Yên.

## 2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 73mm đến 398mm, *cao nhất là 1147mm tại Bắc Quang, đây là giá trị tổng lượng mưa tháng cao nhất toàn quốc; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức*



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Việt Trì

xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-225mm đến 246mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 14mm đến 135mm, cao nhất là 194mm xảy ra vào ngày 27/VI tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 10 - 22 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 14 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 14 ngày.

## 2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2017 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 133 giờ đến 193 giờ, cao nhất là 197 giờ (Chiêm Hóa), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-20 giờ đến 56 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2017 phổ biến từ 75 đến 87%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-7% đến -3%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 28%, xảy ra vào ngày 12/VI tại Việt Trì.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 53mm đến 107mm, cao nhất là 110mm tại Thái Nguyên, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-1076mm đến -34mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 7mm.

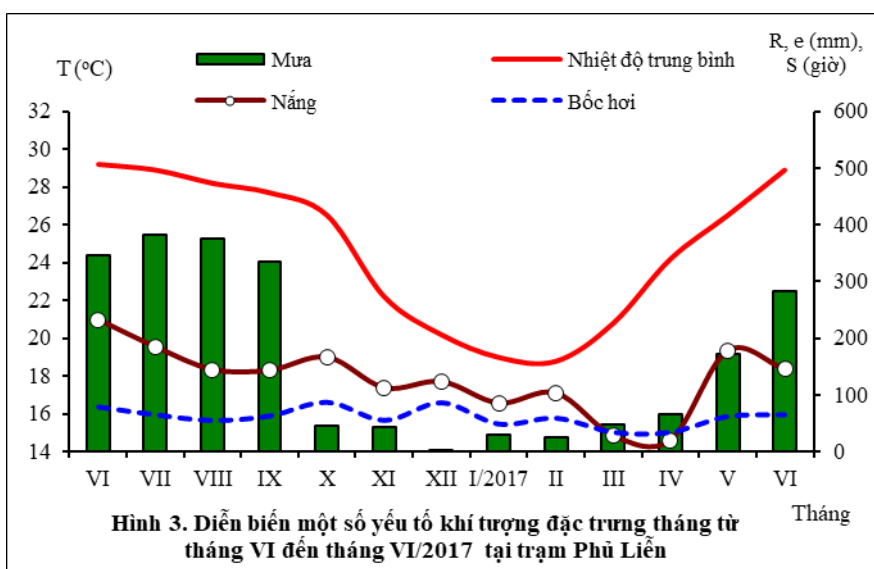
#### 2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7 ngày, một số nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 8 đến 21 ngày.

### 3. Vùng Đông Bắc

#### 3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3 đến 0,6<sup>0</sup>C); có giá trị dao động từ 26,0<sup>0</sup>C (Trùng Khánh - Cao Bằng) đến 29,0<sup>0</sup>C (Lục Ngạn và Bắc Giang) (hình 10).



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Phù Liên

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 30,9<sup>0</sup>C (Trùng Khánh) đến 34,1<sup>0</sup>C (Bảo Lạc), giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,2<sup>0</sup>C xảy ra vào các ngày 09/VI tại Lục Ngạn và ngày 21/VI tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 22,6<sup>0</sup>C (Trùng Khánh) đến 26,2<sup>0</sup>C (Uông Bí), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 12/VI tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

#### 3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng VI/2017 dao động phổ biến từ 72mm đến 391mm, cao nhất là 408mm tại Tiên Yên, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh

giá trị TBNN từ (-168mm đến 113mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 32 đến 120mm, cao nhất là 122mm xảy ra vào ngày 05/VI tại Bãi Cháy.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 - 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 10 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liễn) ở hình 3.

### ***3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Số giờ nắng tháng VI/2017 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (13 giờ đến 31 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 135 giờ (Uông Bí) đến 190 giờ (Phù Liễn), cao nhất là 193 giờ tại Lạng Sơn.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2017 ở các nơi dao động phổ biến từ 78 đến 85%, ở mức xấp xỉ giá trị TBNN; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 30% xảy ra vào ngày 12/VI tại Trùng Khánh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 69mm đến 94mm, cao nhất là 95mm tại Lục Ngạn. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-339mm đến -32mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 6mm (hình 14).

### ***3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 8 ngày, trong đó tại Bảo Lạc có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 5 đến 14 ngày.

## **4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ**

### ***4.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 28,9<sup>0</sup>C (Văn Lý và Thái Bình) đến 30,0<sup>0</sup>C (Láng), ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,3<sup>0</sup>C đến 1,2<sup>0</sup>C) (hình 10);

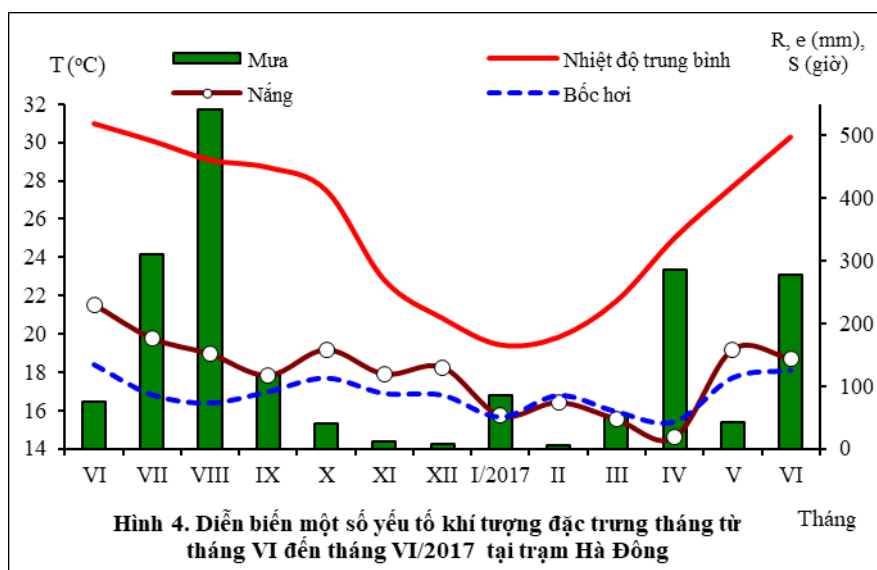
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,5<sup>0</sup>C (Văn Lý) đến 34,6<sup>0</sup>C (Hung Yên), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,2<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 09/VI tại Phủ Lý;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 25,9<sup>0</sup>C (Ninh Bình) đến 27,0<sup>0</sup>C (Láng), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,7<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 13/VI tại Ninh Bình. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm

Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

#### 4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-132mm đến 34mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 74mm đến 237mm, cao nhất là 263mm tại Nho Quan.



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Hà Đông

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 20 đến 96mm, cao nhất là 179mm xảy ra vào ngày 24/VI tại Nho Quan; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 9 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

#### 4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2017 ở các nơi trong vùng dao động từ 129 giờ (Hưng Yên) đến 187 giờ (Hải Dương), cao nhất là 191 giờ tại Văn Lý; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -52 giờ đến -17 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 74% (Láng) đến 83% (Văn Lý), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-9% đến -3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37% xảy ra vào ngày 12/VI tại Nho Quan.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 80mm (Sơn Tây) đến 121mm (Văn Lý), cao nhất là 132mm tại Hưng Yên; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 8mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng từ -157mm đến 38mm.

#### 4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 6 ngày, trong đó một số nơi có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 5 đến 14 ngày.

## 5. Vùng Bắc Trung Bộ

### 5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ  $0,4^{\circ}\text{C}$  đến  $0,6^{\circ}\text{C}$  (hình 10) và có giá trị từ  $28,0^{\circ}\text{C}$  (Hồi Xuân) đến  $29,8^{\circ}\text{C}$  (Vinh).

- Nhiệt độ không khí cao nhất

trung bình tháng từ  $33,0^{\circ}\text{C}$  (Quỳnh Lưu) đến  $34,8^{\circ}\text{C}$  (Hồi Xuân), giá trị nhiệt độ cao nhất là  $40,2^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 09/VI tại Như Xuân và Tỉnh Gia, đây là giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng cao nhất toàn quốc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ  $24,1^{\circ}\text{C}$  (Quỳ Châu và Tương Dương) đến  $26,4^{\circ}\text{C}$  (Vinh và Hà Tĩnh), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là  $18,5^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 13/VI tại Quỳ Châu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### 5.2. Diễn biến về mưa

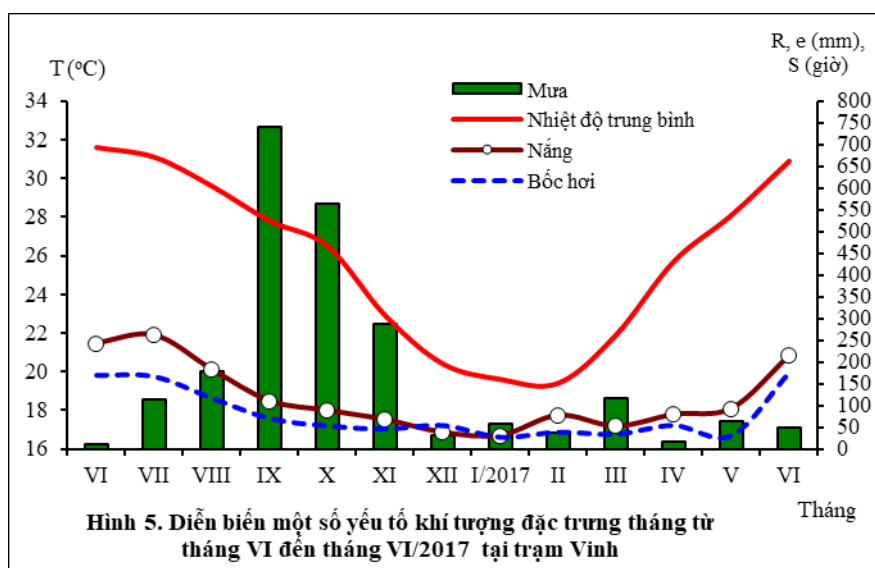
- Trong tháng VI/2017, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 85mm đến 344mm, cao nhất là 349mm tại Đô Lương. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-64mm đến 218mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 44 đến 313mm, cao nhất là 322mm, xảy ra vào ngày 23/VI tại Đô Lương, đây là giá trị lượng mưa ngày cao nhất toàn quốc.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 6 - 15 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 16 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### 5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 104 (Quỳ Châu) đến 224 giờ (Vinh), cao nhất là 233 giờ (Kỳ Anh); tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -62 giờ đến 38 giờ, hình 12).



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Vinh

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 70% (Hà Tĩnh) đến 81% (Hồi Xuân, Yên Định và Tương Dương), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-7% đến -3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 26% xảy ra vào ngày 13/VI tại Hà Tĩnh, đây là giá trị độ ẩm không khí thấp nhất toàn quốc.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 78mm đến 172mm, cao nhất là 182mm tại Quỳnh Châu; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 4 - 10mm, cao nhất là 11mm, xảy ra vào ngày 09/VI tại Như Xuân và Kỳ Anh, đây là giá trị bốc hơi ngày cao nhất toàn quốc. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-216mm đến 41mm).

#### 5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

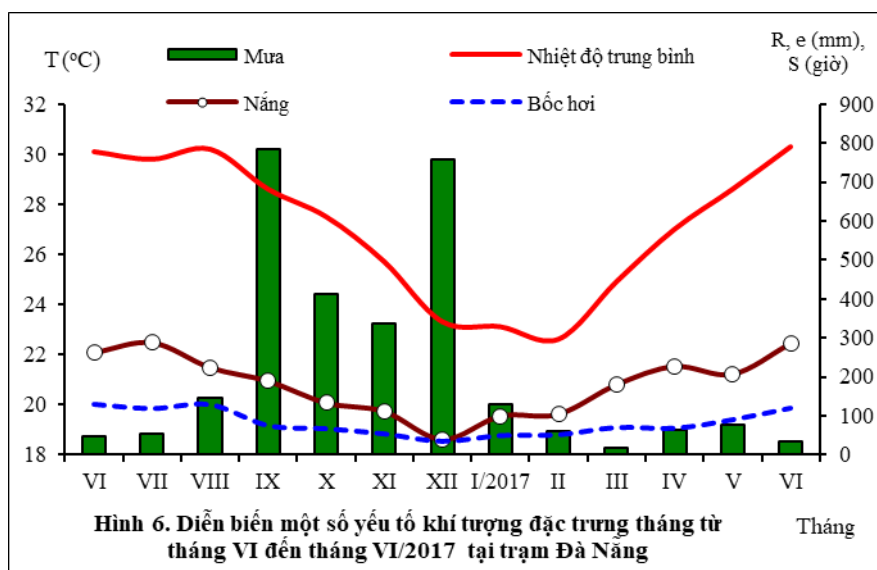
- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 16 ngày; nhiều nơi trong đó có từ 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 3 đến 13 ngày.

### 6. Vùng Trung Trung Bộ

#### 6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2017 từ 25,9<sup>0</sup>C (Khe Sanh) đến 29,6<sup>0</sup>C (Đà Nẵng và Quảng Ngãi), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,8<sup>0</sup>C đến 0,6<sup>0</sup>C) (hình 10).



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Đà Nẵng

Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,6<sup>0</sup>C (Khe Sanh) đến 35,3<sup>0</sup>C (Quảng Ngãi), giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,3<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 10/VI tại Tam Kỳ.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,8<sup>0</sup>C (Khe Sanh) đến 26,3<sup>0</sup>C (Ba Đồn), giá trị nhiệt độ thấp nhất là 17,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 14/VI tại

Khe Sanh.

### **6.2. Diễn biến về mưa**

- Lượng mưa trong tháng VI/2017 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 24mm đến 270mm, cao nhất là 282mm tại Đông Hà. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-153mm đến 168mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 8 đến 82mm, cao nhất là 148mm xảy ra vào ngày 11/VI tại Đông Hà.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 11 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 10 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng VI đến tháng VI/2017 trên hình 6.

### **6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 184 giờ đến 226 giờ, cao nhất là 237 giờ tại Đà Nẵng, đây là giá trị tổng số giờ nắng tháng cao nhất toàn quốc. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-60 giờ đến 17 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 71% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 6%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 27/VI tại Huế và Đà Nẵng.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 55mm đến 131mm, cao nhất là 149mm tại Đồng Hới. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 8mm, cao nhất là 11mm, cùng với Như Xuân và Kỳ Anh, đây là giá trị lượng bốc hơi ngày cao nhất toàn quốc. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-197mm đến 106mm).

### **6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 14 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 4 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 2 đến 20 ngày.

## **7. Vùng Nam Trung Bộ**

### **7.1. Diễn biến nhiệt độ**

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2017 từ 28,1<sup>0</sup>C (Phan Rang)

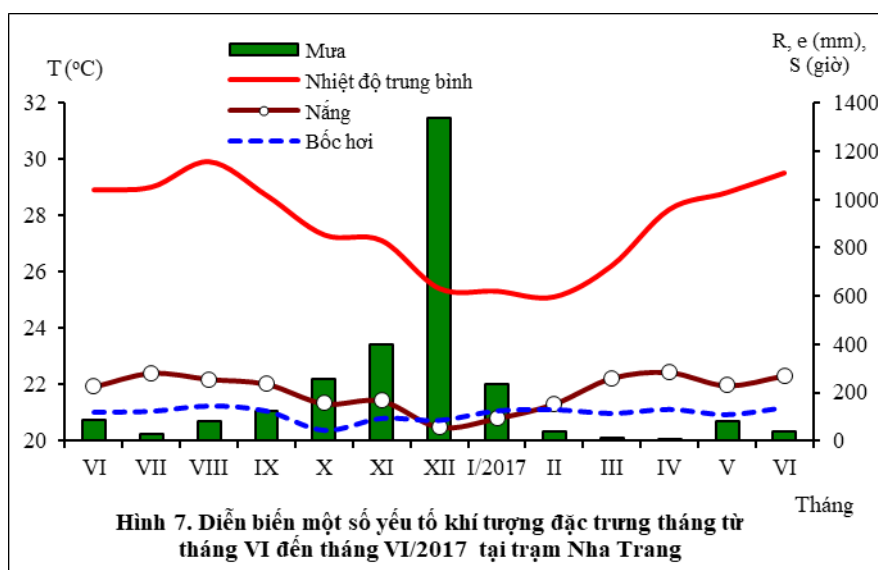
đến 29,7<sup>0</sup>C (Quy Nhơn), ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,3 đến 0,5<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,3<sup>0</sup>C (Phú Quý) đến 33,7<sup>0</sup>C (Tuy Hòa), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,6<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 10/VI tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,9<sup>0</sup>C (Hoài Nhơn) đến 27,4<sup>0</sup>C (Quy Nhơn), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,4<sup>0</sup>C, xảy ra vào ngày 15/VI tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng VI đến tháng VI/2017 được thể hiện trên hình 7.

### 7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VI/2017, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 41mm đến 151mm, cao nhất là 269mm tại Phú Quý. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Nha Trang

TBNN (từ -42mm đến 124mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 19mm đến 67mm, cao nhất là 68mm, xảy ra vào ngày 14/VI tại Tuy Hòa.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 13 đến 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 4 đến 7 ngày.

### 7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2017 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 180 giờ (Phan Thiết) đến 204 giờ (Tuy Hòa), cao nhất là 208 giờ tại Hoài Nhơn; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-41 giờ đến -30 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 74% (Quy Nhơn) đến 86% (Phú

Quý), phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 46% xảy ra vào ngày 09/VI tại Hoài Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 77mm đến 118mm, cao nhất là 126mm tại Tuy Hòa và Nha Trang. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 7mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-192mm đến 66mm).

#### 7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 8 ngày, với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 4 đến 10 ngày.

### 8. Vùng Tây Nguyên

#### 8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2017 từ 19,6°C (Đà Lạt) đến 27,8°C (Ayunpa - Gia Lai); phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,4°C đến 1,2°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất

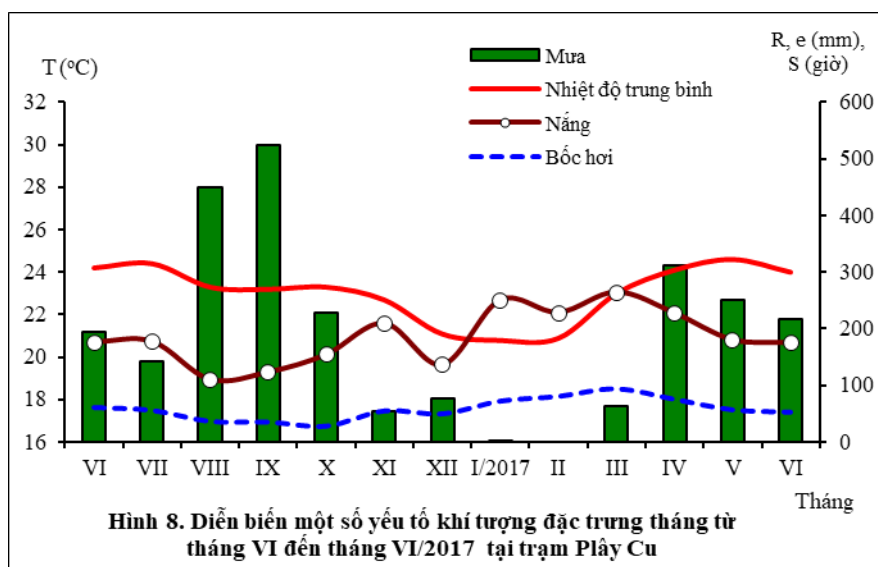
trung bình từ 24,0°C (Đà Lạt) đến 32,5°C (Ayunpa); giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,3°C xảy ra vào ngày 09/VI tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,9°C (Đà Lạt) đến 24,8°C (Ayunpa), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,2°C xảy ra vào ngày 06/VI tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

#### 8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2017 dao động từ 155mm đến 411mm, cao nhất là 441mm tại Bảo Lộc. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -118mm đến 173mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 34mm đến 76mm, cao nhất



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Plây Cu

là 77mm vào ngày 22/VI tại Đăk Nông. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 18 đến 25 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 8 đến 24 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

### 8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2017 phổ biến từ 105 giờ (Kon Tum) đến 170 giờ (Ayunpa), cao nhất là 178 giờ tại Buôn Ma Thuột. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-42 giờ đến -12 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 7% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 81% (Ayunpa) đến 89% (Đăk Nông); độ ẩm không khí thấp nhất là 51% xảy ra vào ngày 29/VI tại Kon Tum.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 30mm (Đà Lạt) đến 76mm (Ayunpa), cao nhất là 81mm tại Kon Tum. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-401mm đến -326mm).

### 8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

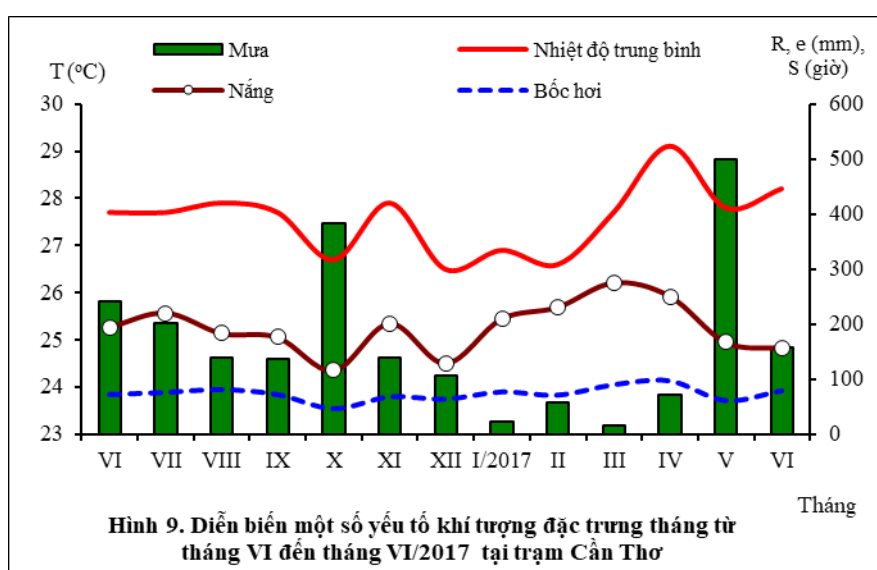
- Gió tây khô nóng xuất hiện 3 ngày tại Ayunpa, với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 11 đến 19 ngày.

## 9. Vùng Nam Bộ

### 9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2017 từ 26,5<sup>0</sup>C (Phước Long) đến 29,0<sup>0</sup>C (Tân Sơn Nhất), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3<sup>0</sup>C đến 1,5<sup>0</sup>C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,1<sup>0</sup>C (Rạch Giá) đến 33,5<sup>0</sup>C (Tây



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Cần Thơ

Ninh), giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,7<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 11/VI tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,8<sup>0</sup>C (Phước Long) đến 26,4<sup>0</sup>C (Vũng Tàu và Rạch Giá), giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,4<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 13/VI tại Phước Long. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Cần Thơ.

### **9.2. Diễn biến về mưa**

- Tổng lượng mưa tháng VI/2017 dao động phổ biến từ 93mm đến 316mm, cao nhất là 449mm tại Rạch Giá. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-139mm đến 188mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 30mm đến 65mm, cao nhất là 83mm xảy ra vào ngày 12/VI tại Rạch Giá.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 10 đến 24 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 16 ngày.

### **9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2017 phổ biến từ 105 giờ (Bạc Liêu) đến 180 giờ (Đồng Phú), cao nhất là 195 giờ tại Tây Ninh; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-85 giờ đến 23 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 79% (Tân Sơn Nhất) đến 89% (Phước Long), phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 51% xảy ra vào ngày 06/VI tại Châu Đốc và ngày 26/VI tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 7mm đến 93mm, cao nhất là 103mm tại Rạch Giá (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm; lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-346mm đến -21mm).

### **9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 4 ngày, với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 2 đến 19 ngày.

## II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VI/2017

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng nhìn chung thuận lợi với nhiệt độ cao; mưa và nắng trên các vùng dao động xấp xỉ giá trị trung bình nhiều năm.

Trong tháng, sản xuất nông nghiệp miền Bắc chủ yếu tập trung vào thu hoạch lúa đông xuân. Các địa phương miền Nam đã thu hoạch xong lúa đông xuân và đang tập trung xuống giống lúa hè thu.

Trong 6 tháng đầu năm 2017, do ảnh hưởng của mưa trái mùa và thô những vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề từ đợt nhiễm mặn năm trước, bên cạnh đó, nhiều diện tích lúa bị sâu bệnh, nhất là hiện tượng đạo ôn và muỗi hành bí đầu bông làm lúa bị lép, dẫn đến năng suất lúa bị giảm. Diện tích gieo cấy lúa đông xuân cả nước năm nay ước tính đạt 3.077 nghìn ha, giảm nhẹ so với cùng kỳ, năng suất ước đạt 62,1 tạ/ha, giảm 1,3%; sản lượng ước đạt 19,1 triệu tấn, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm trước. Đến nay, cả nước đã gieo trồng 2,07 triệu ha lúa hè thu, do không chịu ảnh hưởng bởi hạn hán, nhiễm mặn như năm trước nên tiến độ xuống giống lúa hè thu nhanh hơn cùng kỳ (+16,3%)

### 1. Đối với cây lúa

+ **Lúa đông xuân:** Nhìn chung vụ lúa đông xuân năm nay ở cả miền Bắc và miền Nam đều tương đối thuận lợi về thời tiết, khí hậu.

*Miền Bắc:* Các địa phương phía Bắc đã gieo cấy đạt 1.145 ngàn ha, đạt 99% so với cùng kỳ năm trước, giảm chủ yếu tại vùng đồng bằng sông Hồng. Hiện nay, toàn miền đã thu hoạch được 1.138,2 ngàn ha lúa đông xuân, chiếm 99,4% diện tích gieo cấy, bằng 103,6% so với cùng kỳ năm trước. Năng suất bình quân tại các tỉnh không đồng đều, một số tỉnh thấp hơn so với kế hoạch do trà lúa gieo sớm trở vào thời điểm gặp mưa trái mùa (lượng mưa trong tháng 11, 12/2016 và tháng 1 năm 2017 nhiều hơn trung bình hàng năm 80-300 mm), trong khi đó thời gian chiếu sáng lại thấp hơn khoảng 30-200 giờ so với năm trước đã ảnh hưởng đến quá trình thụ phấn, tạo hạt đồng thời gây đổ ngã khi thu hoạch, bên cạnh đó, một số loại dịch hại trên diện tương đối rộng và mức độ gây hại cao đã tác động làm giảm năng suất. Theo đánh giá của các địa phương, năng suất lúa đông xuân các tỉnh miền Bắc ước đạt 62,2 tạ/ha, giảm 1%, sản lượng ước đạt 7,11 triệu tấn, giảm 2% so với vụ đông xuân 2016.

*Miền Nam:* Tổng diện tích xuống giống lúa đông xuân đạt khoảng 1.928 triệu ha, tương đương cùng kỳ năm trước; năng suất bình quân ước đạt 62,1 tạ/ha, giảm 1,6%; sản lượng đạt gần 12 triệu tấn, giảm 149,7 nghìn tấn (-1,2%) so với cùng kỳ năm trước. Riêng vùng ĐBSCL sản lượng đạt hơn 9,6 triệu tấn, giảm 360,9 nghìn tấn so với cùng kỳ (-3,6%); Tây Nguyên đạt 494,4 nghìn tấn, tăng 70 nghìn tấn (+16,5%); Duyên hải miền trung đạt hơn 1,4 triệu tấn, tăng 126,7 nghìn tấn (+9,7%). Ngoài yếu tố thô những bị ảnh hưởng do xâm nhập

mặn từ năm trước thì năng suất lúa Đông xuân 2017 ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm nay giảm do bị ảnh hưởng của sâu bệnh (Chủ yếu là hiện tượng muỗi hành bít đầu bông làm cho bông lúa không trổ thoát được) và những trận mưa giông trái mùa liên tiếp diễn ra ở thời điểm lúa đang trổ, chín và thu hoạch làm cho nhiều diện tích lúa bị đổ ngã, tỷ lệ thất thoát trong thu hoạch và tỷ lệ hạt lép tăng

+ **Lúa vụ hè thu:** Tính đến cuối tháng, cả nước gieo trồng đạt 2,07 triệu ha lúa hè thu, do không chịu ảnh hưởng bởi hạn hán, nhiễm mặn như năm trước nên tiến độ xuống giống lúa hè thu nhanh hơn cùng kỳ, đạt 116,3%. Trong đó, các tỉnh miền Bắc đạt 187,1 ngàn ha, tăng 43,6%, các tỉnh miền Nam đạt 1,88 triệu ha, tăng 14%, riêng các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL đạt 1,63 triệu ha, tăng 12,7% cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo trồng lúa hè thu năm nay tăng do tình hình xuống giống sớm vụ Đông Xuân 2016-2017 và nguồn nước đầu vụ Hè Thu tương đối tốt, mùa mưa đến sớm và lượng mưa nhiều hơn hàng năm, thêm vào đó lịch thời vụ gieo trồng lúa hè thu của năm 2016 lại được thông báo trễ hơn những năm trước. Tuy nhiên, tại thời điểm xuống giống Hè Thu chính vụ vẫn thường xuyên có nhiều đợt mưa lớn gây khó khăn cho tiến độ xuống giống lúa. Đến nay đã có 463,7 nghìn ha lúa hè thu sớm tại các tỉnh ĐBSCL cho thu hoạch, đạt 25% diện tích gieo trồng, năng suất ước trên diện tích thu hoạch đạt 60,4 tạ/ha.

+ **Lúa mùa:** Ngay sau khi gặt lúa đông xuân, nhiều địa phương ở miền Bắc đã triển khai gieo trồng lúa mùa, lúa nương trong điều kiện thời tiết thuận lợi. Tính đến cuối tháng đã có 86,3 ngàn ha được gieo trồng, tập trung chủ yếu tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc (78,4 ngàn ha).

**Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VI/2017**

| Số TT | Các vùng sinh thái nông nghiệp | Trạm        | Các giai đoạn phát triển của cây trồng | Trạng thái sinh trưởng của cây trồng | Độ ẩm đất | Tác động của thiên tai, sâu bệnh |
|-------|--------------------------------|-------------|--|--------------------------------------|-----------|----------------------------------|
| 1     | Tây Bắc, Việt Bắc              | Mộc Châu    | Chè lớn lá thật thứ nhất               | Khá                                  | TB        |                                  |
| 2     |                                | Điện Biên   | Lúa mùa lá thứ 3                       | TB                                   | 3cm       |                                  |
| 3     |                                | Văn Chấn    | Lúa mùa bén rễ hồi xanh, đẻ nhánh      | TB                                   | 3cm       |                                  |
| 4     |                                | Tuyên Quang | Lúa xuân hè lá thứ 3                   | TB                                   | Quá ẩm    |                                  |
| 5     | Đông Bắc                       | Uông Bí     |  |                                      |           |                                  |
|       |                                | Lạng Sơn    | Lúa xuân trổ bông                      | TB                                   | 3cm       |                                  |
|       |                                |             | Ngô                                    | TB                                   | TB        |                                  |
|       | Bắc Giang                      |             |  |                                      |           |                                  |
|       | Trung du                       | Phú Hộ      | chè lớn nảy chồi                       | TB                                   | TB        |                                  |

|  |                     |           |                                 |         |        |                 |
|--|---------------------|-----------|---------------------------------|---------|--------|-----------------|
|  | Bắc Bộ              | Ba Vì     | Chè lớn búp hái                 | TB      | TB     | Phồng lá 51-60% |
|  | Đồng bằng Sông Hồng | Hà Đông   | Lúa mùa lá thứ 3                | TB      | 3cm    |                 |
|  |                     | Hoài Đức  | Lạc hình thành củ               | Khá     | ẩm     |                 |
|  |                     |           | Ngô chín hoàn toàn              | TB      | TB     |                 |
|  |                     |           | Cam ra lá mới                   | Kém     | ẩm     | úng ngập 61-70% |
|  |                     | Hưng Yên  | Lúa mùa mọc mầm                 | Khá     | Quá ẩm |                 |
|  |                     | Nam Định  | Lúa mùa lá thứ 3, thứ 5         | Khá     | 3cm    |                 |
|  |                     | Ninh Bình | Lúa mùa lá thứ 3                | TB      | Quá ẩm |                 |
|  |                     | Hải Dương | Chuyển vụ                       |         |        |                 |
|  |                     | Thái Bình | Lúa mùa mọc mầm                 | Khá     | Quá ẩm |                 |
|  | Bắc Trung Bộ        | Yên Định  | Đậu t-ong lá kép thứ 3, mọc mầm | TB      | TB     |                 |
|  |                     |           | Lạc lá thật thứ 3               | TB      | TB     |                 |
|  |                     | Thanh Hoá | Lúa mùa đẻ nhánh                | TB      | 3cm    |                 |
|  |                     | Quỳnh Lưu | Lúa hè thu đẻ nhánh             | TB      | 10cm   |                 |
|  |                     | Đô Lương  | lúa hè thu đẻ nhánh             | TB      | 3cm    |                 |
|  | Trung Trung Bộ      | Huế       |                                 |         |        |                 |
|  | Nam Trung Bộ        | Tuy Hoà   | Lúa hè thu lá thứ 3             | Khá     | 3cm    |                 |
|  |                     | An Nhơn   | Lúa hè thu mọc đống             | Khá     | 4cm    |                 |
|  | Tây Nguyên          | Eakmat    | Cà phê hình thành quả           | Tốt     | TB     |                 |
|  | Nam Bộ              | Xuân Lộc  | Cà phê hình thành quả           | TB      | Quá ẩm |                 |
|  |                     | Trà Nóc   | Lúa hè mọc mầm                  | Khá     | ẩm     |                 |
|  |                     | Mỹ Tho    | Lúa hè thu đẻ nhánh             | TB      | 3cm    |                 |
|  |                     | Bạc Liêu  | Lúa hè thu đẻ nhánh             | TB, Khá | Quá ẩm |                 |

## 2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Thời tiết trong tháng cũng khá thuận lợi cho các cây lâu năm và các cây trồng hàng năm khác.

**Cây màu:** Tính đến cuối tháng, cả nước đã gieo trồng đạt 1,26 triệu ha cây màu lương thực, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích ngô ước đạt 764,1 nghìn ha, bằng 98,8% cùng kỳ; khoai lang đạt 87,4 nghìn ha, bằng 102,5%; sắn đạt 398,6 nghìn ha, bằng 103,4% cùng kỳ năm trước.

**Cây công nghiệp ngắn ngày:** Diện tích gieo trồng các cây công nghiệp ngắn ngày ước đạt 381,5 ngàn ha, bằng 100,3% cùng kỳ năm trước, trong đó:

diện tích đậu tương đạt 44,9 ngàn ha, bằng 94,7%; lạc đạt 156 ngàn ha, bằng 98,8%; mía đạt 147,5 ngàn ha, bằng 107,8%. Diện tích rau, đậu các loại đạt 696,2 ngàn ha, bằng 106,9 % cùng kỳ năm trước.

**Cây lâu năm:** Theo báo cáo từ các địa phương, diện tích trồng cây lâu năm ước đạt 3.369,6 nghìn ha, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu các loại cây trồng đang có sự biến động theo hướng chuyên canh, tăng diện tích cây đặc sản, cây có giá trị cao phù hợp với điều kiện canh tác của mỗi vùng miền để thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu.

Tại Hoài Đức lạc ở giai đoạn hình thành củ, sinh trưởng khá trên nền đất ẩm. Ngô chín hoàn toàn, sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình. Cam ra lá mới, sinh trưởng trung kém trên nền đất ẩm và bị úng ngập 61-70%.

Chè lớn lá thật thứ nhất, sinh trưởng khá ở Mộc Châu. Chè lớn ở Phú Hộ đang nảy chồi, sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình. Chè ở Ba Vì ở giai đoạn lớn búp hái, sinh trưởng trung bình, bị phòng lá 51-60%.

Cà phê trong giai đoạn hình thành quả, sinh trưởng tốt ở Tây Nguyên trên đất ẩm trung bình; sinh trưởng trung bình ở Xuân Lộc; nền đất quá ẩm.

### **3. Tình hình sâu bệnh**

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: diện tích nhiễm 48.547 ha, nhiễm nặng là 2.495 ha, mất trắng 4,34 ha (Nghệ An, Thái Bình, Hải Phòng). Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bắc Bộ 27.045 ha, phía Nam nhiễm 20.457 ha.

- Bệnh VL-LXL: Diện tích nhiễm 6.280 ha, nhiễm nặng là 2.515 ha, mất trắng 11 ha (Đồng Tháp). Tập trung chủ yếu tại Đồng Tháp, Long An, An Giang, Hậu Giang và Sóc Trăng.

- Bệnh đạo ôn cổ bông: diện tích nhiễm 32.209 ha, nhiễm nặng 9.412 ha, mất trắng 13.421 ha (Hà Tĩnh). Trong đó diện tích nhiễm tại các tỉnh Bắc Trung Bộ 22.636 ha; Các tỉnh Bắc Bộ 7.478 ha, các tỉnh phía Nam 2.086 ha.

- Bệnh đạo ôn lá: diện tích nhiễm 33.945 ha, nhiễm nặng 504 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam 33.930 ha.

- Chuột: diện tích hại 9.715 ha, nặng 465 ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc Bộ 4.793 ha, ĐBSCL 4.283 ha.

- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm 2.436 ha, nặng 22 ha.

- Sâu cuốn lá nhỏ: diện tích nhiễm 26.091 ha, nhiễm nặng 10.916 ha, tập trung tại các tỉnh phía Bắc 16.830 ha.

- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 18.669 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 318 ha. Tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Nam 16.588 ha.

- Ngoài ra, lem lép hạt 7.259 ha, khô vắn 147.755 ha, bạc lá 12.022 ha,...

### **III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VII, VIII, IX/2017**

#### **3.1. Nhiệt độ**

Kết quả dự báo mùa 3 tháng VII, VIII, IX năm 2017 cho thấy, trong mùa 3 tháng VII-IX, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN từ dưới 0,5 đến hơn 1,5°C ở phần lớn diện tích cả nước ngoại trừ một phần khu vực Đông Bắc và phía nam Nam Trung Bộ có nhiệt độ thấp hơn TBNN từ 0,5 đến hơn 1,5°C với xác suất từ 66 đến trên 77%. Nhiệt độ có khả năng thấp hơn TBNN từ dưới 0,5 đến 1,5°C ở khu vực Nam Bộ với xác suất từ 66 đến trên 77%.

#### **3.2. Lượng mưa**

Trong ba tháng tới, Lượng mưa mùa VII-IX năm 2017 có khả năng ở mức cao hơn TBNN từ 0 đến 400mm ở phần lớn khu vực Bắc Bộ, Trung Trung Bộ, Tây Nguyên và phía nam Nam Trung Bộ với xác suất từ 55 đến 77%. Lượng mưa có khả năng thấp hơn TBNN từ 0 đến 600 mm ở khu vực Bắc Trung Bộ và Nam Bộ với xác suất từ 44 đến 77%.

#### **3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)**

Kết quả thống kê 3 tháng VII-IX trung bình thời kỳ 1971-2000, có khoảng 5-6 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và có 3 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam.

Trung bình của thời kỳ 1971 – 2000 có khoảng 1 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng VII-IX.

### **IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VI và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng VII/2017 và dự báo khí hậu 3 tháng VII, VIII và IX/2017 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

#### **1. Miền Bắc**

- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng cơ bản thuận lợi cho thu hoạch lúa đông xuân và chuẩn bị gieo cấy lúa mùa do có nền nhiệt độ và số giờ nắng cao;

- Trong những tháng tiếp theo, có khả năng lượng mưa thấp hơn TBNN, nên cần có sự chuẩn bị để đảm bảo nước cho lúa mùa và các loại cây rau màu.

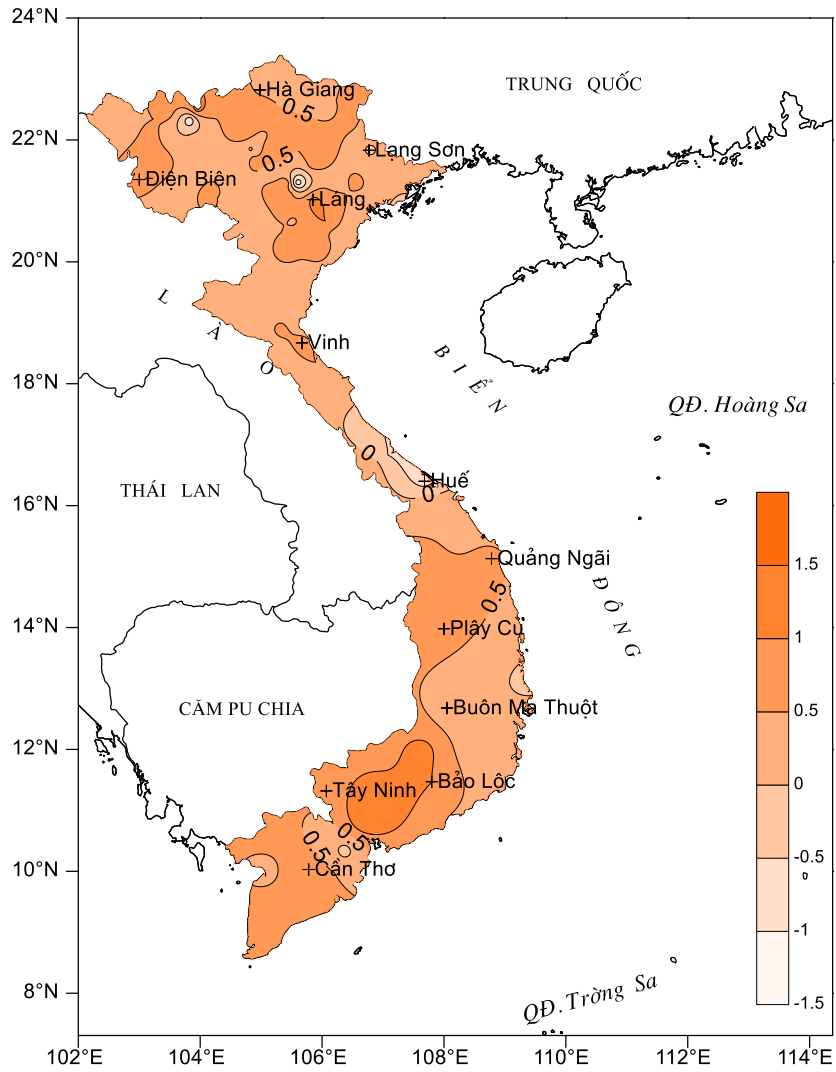
#### **2. Miền Nam**

- Tập trung chăm sóc lúa hè thu đang trong giai đoạn đẻ nhánh;

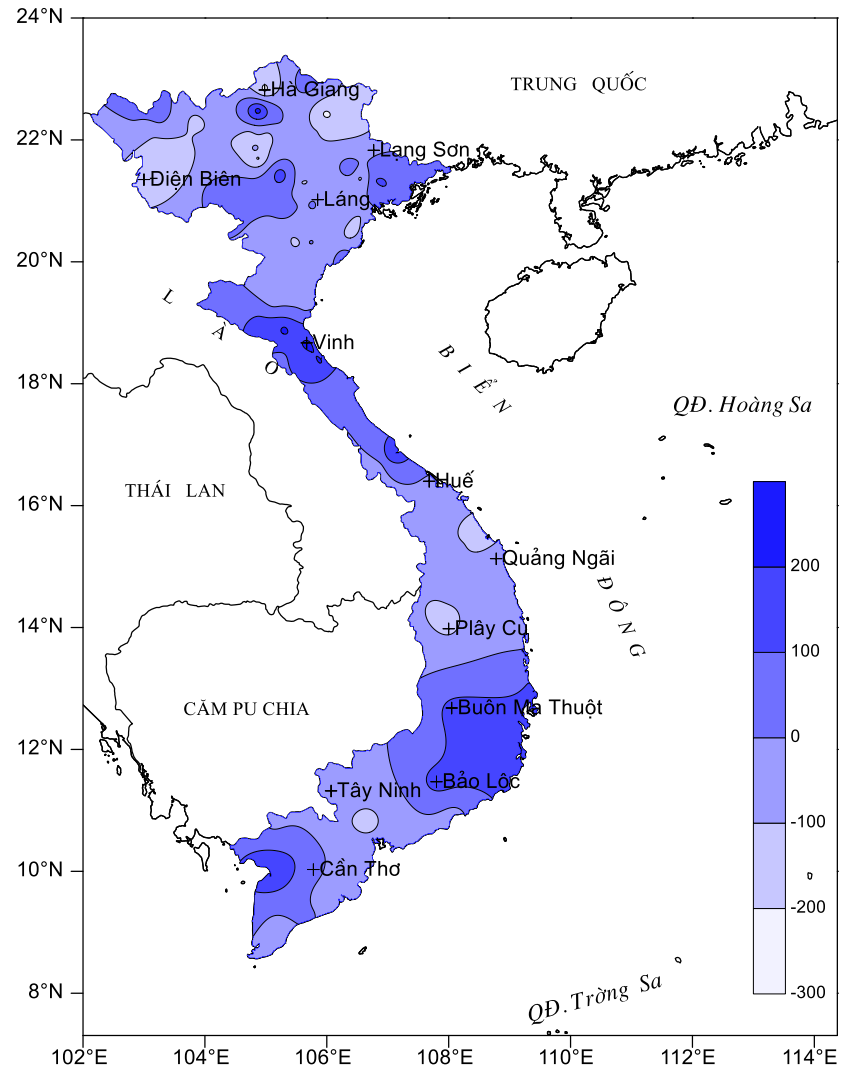
- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

## **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

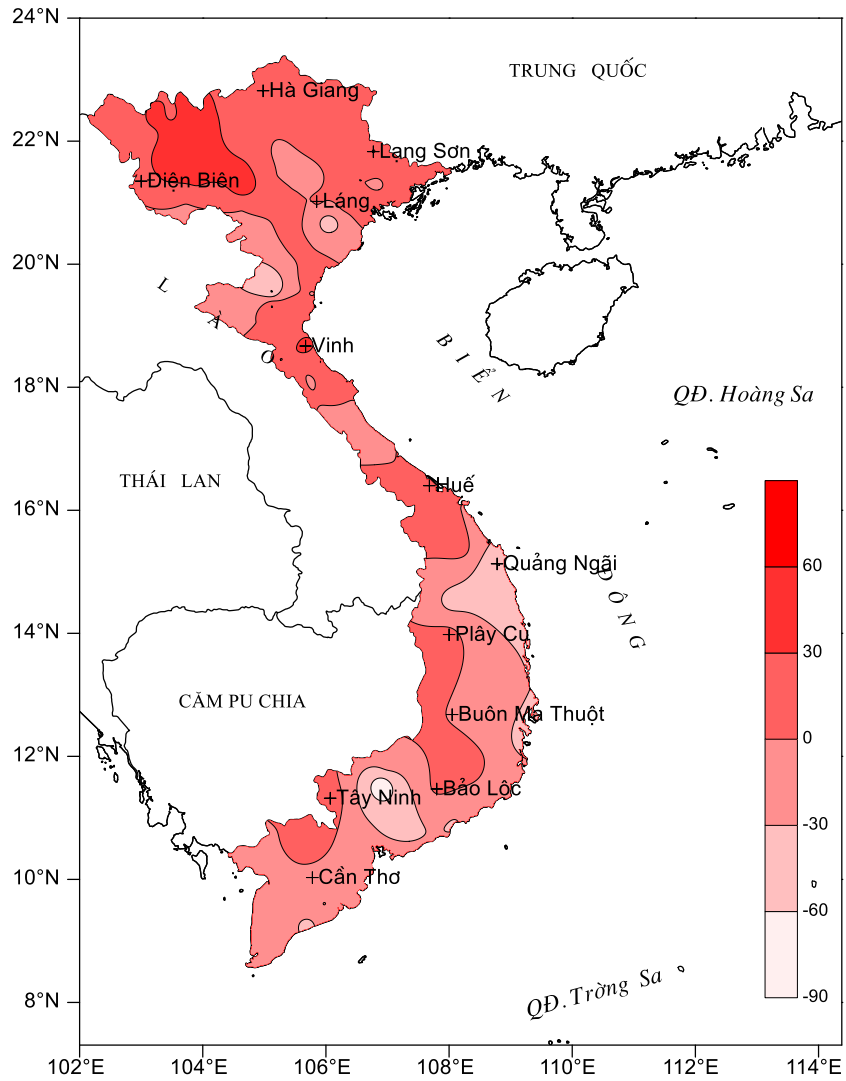
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VII, VIII, IX năm 2017;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VII năm 2017 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VI năm 2017 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



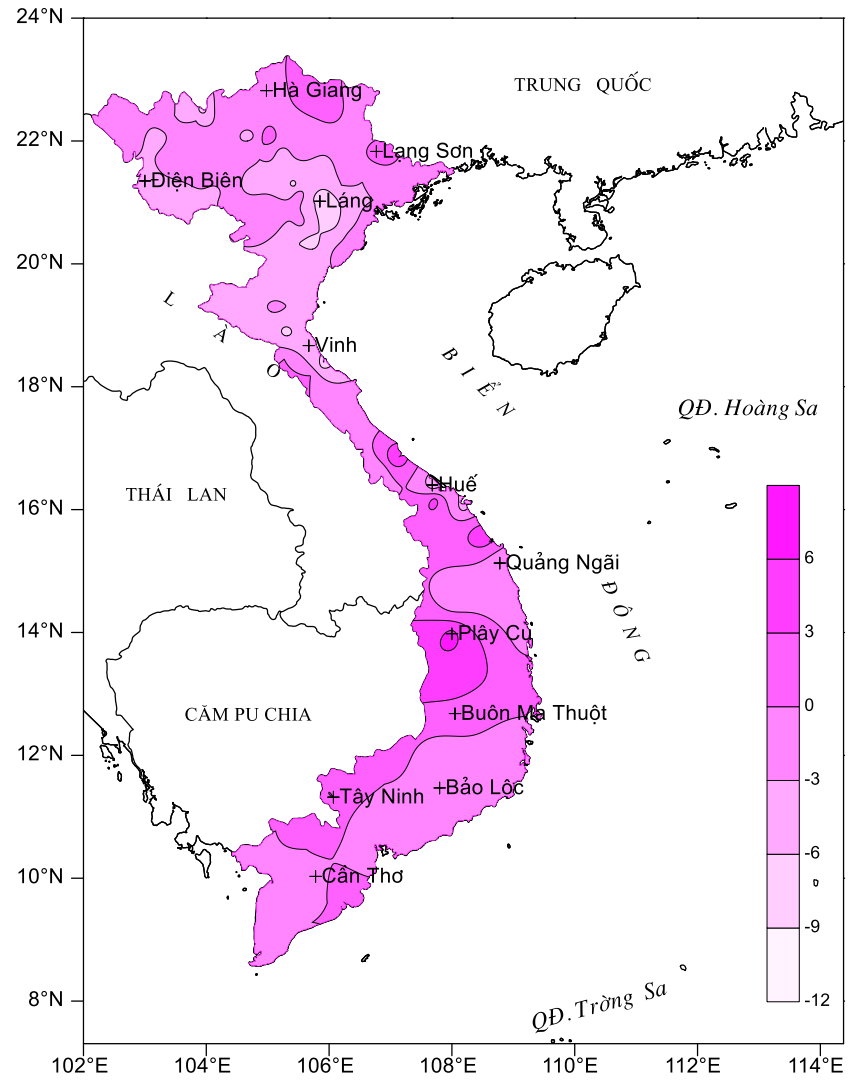
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng VI/2017 so với TBNN (°C)



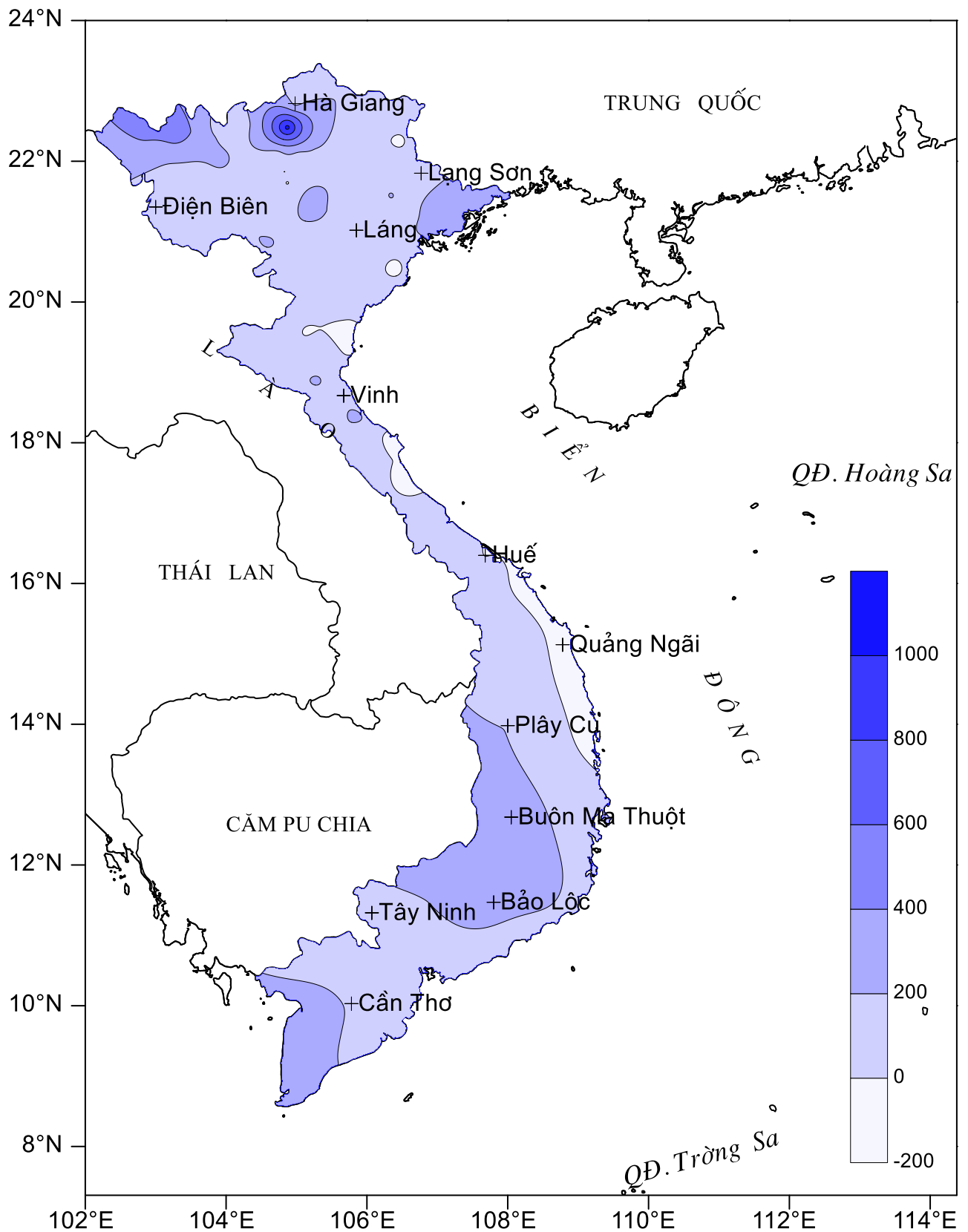
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng VI/2017 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng VI/2017 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng VI/2017 so với TBNN (%)



**Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng VI/2017 (mm)**